

**TÒA ÁN C DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 339/2020/DS-PT

Ngày 09 - 9 - 2020

V/v tranh chấp “*Quyền về lối đi qua*”.

**C DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN C DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Ông **Võ Trung Hiếu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Hồng G**, Thư ký Tòa án C dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Bảo** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 339/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “*Quyền về lối đi qua*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2020/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 413/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bùi Văn B**, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Bùi Văn C**, sinh năm 1978 (có mặt).

2.2. Bà **Lương Thị D**, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp của bà K: chị **Lương Thị Kim E**, sinh năm 1993, là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/8/2020 – có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị F**, sinh năm 1960 (có mặt).

3.2. Anh **Bùi Văn G**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

3.3. Chị **Lê Thị Kim G**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

3.4. Cháu **Bùi Thanh F**, sinh năm 2009 (vắng mặt).

3.5. Cháu **Bùi Thiên H**, sinh năm 2017 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Bùi Thanh F, cháu Bùi Thiên H: Anh **Bùi Văn G** và chị **Lê Thị Kim G**, là người đại diện theo pháp luật.

3.6. Cháu **Bùi Hữu I**, sinh năm 2008 (vắng mặt).

3.7. Cháu **Bùi Hữu J**, sinh năm 2014 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của cháu Bùi Hữu I, cháu Bùi Hữu J: Ông **Bùi Văn C** và bà **Lương Thị K**. Là người đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông **Bùi Văn C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, I vụ liên quan bà Nguyễn Thị F, anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Kim G trình bày:

Hộ gia đình ông **Bùi Văn B** có sử dụng thửa đất số 844, diện tích 1.905m² tọa lạc ấp Mỹ I 1, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01962 ngày 20 tháng 5 năm 2009. Từ đường đan công cộng đi vào đất của ông B phải đi qua thửa đất số 813, diện tích 4.986m² của em ông B là ông **Bùi Văn C**. Sau khi được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 813 ông C có ký tên làm giấy thỏa thuận cho hộ ông B được đi trên lối đi chiều ngang 02m, đi mãi mãi, không trồng cây. Thời gian gần đây, ông C trồng mít trên lối đi này nên lối đi chỉ còn lại khoảng 0,5m chiều ngang, ảnh hưởng đến việc đi lại vào canh tác thửa đất 844 của ông B. Nay ông yêu cầu ông C và các thành viên trong hộ gia đình ông C mở lối đi thực đo có Chiều ngang hướng giáp với đường đan công cộng là 02m, chiều ngang hướng giáp với đất hộ ông C là 3,67m; Chiều dài hướng giáp với phần đất còn lại của ông C là 107,76m, Chiều dài hướng giáp đất ông Văn Văn M là 107,06m tổng diện tích là 216,4m².

*Bị đơn là ông **Bùi Văn C**, bà **Lương Thị K** thống nhất trình bày:*

Hộ gia đình ông bà quản lý, sử dụng thửa đất số 813, diện tích 4.986m², tọa lạc ấp Mỹ I 1, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00024 ngày 25 tháng 01 năm 2005. Ông C và ông B là anh em ruột với nhau nên ông bà có cho hộ ông B

đi trên lối đi thuộc thửa đất 813 của ông bà để ra canh tác thửa đất 844 của ông B. Đây không phải là lối đi duy nhất mà còn lối đi khác ra thửa đất 844. Khoảng tháng 05 năm 2019 và tháng 01 năm 2020, ông bà có trồng mít trên phần lối đi này để cải thiện thu nhập, hộ ông B vẫn đi lại trên lối đi này, không có cản trở gì. Khi cho ông B đi, ông C có làm giấy thỏa thuận về việc này. Tuy nhiên chỉ có ông C ký tên trong giấy thỏa thuận. Nội dung trong giấy thỏa thuận bà K không biết, còn chữ ký của bà K là do ông C ký thay. Nay ông bà không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2020/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B.

1.1. Buộc ông Bùi Văn C, bà Lương Thị K và các thành viên trong hộ gia đình ông B, bà K có I vụ mở lối đi cho ông Bùi Văn B có diện tích $216,4m^2$ nằm trong thửa đất số 813, diện tích $3.450,5m^2$ tọa lạc tại ấp Mỹ I 1, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang do ông Bùi Văn C đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất.

1.2. Diện tích lối đi $216,4m^2$ ông Bùi Văn B được mở có số đo và tứ L như sau:

- Chiều ngang hướng Đông giáp phần diện tích đất còn lại của hộ ông Bùi Văn C là 3,67m.
- Chiều ngang hướng Tây giáp đường đôn công cộng là 02m.
- Chiều dài hướng Nam giáp với phần đất còn lại của hộ ông Bùi Văn C là 107,76m.
- Chiều dài hướng Bắc giáp đất ông Văn Văn M là 107,06m.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Ông Bùi Văn B được quyền đăng ký đất đai đối với phần lối đi được mở có diện tích $216,4m^2$ nằm trong thửa đất số 813 tọa lạc tại ấp Mỹ I 1, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai.

3. Ông Bùi Văn B phải đền bù giá trị đất và giá trị cây trồng cho hộ gia đình ông Bùi Văn C tổng số tiền là 73.530.000 đồng (bảy mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) làm 01 lần.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự, nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định.

Ngày 02/7/2020, bị đơn ông Bùi Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm 58/2020/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo phát biểu ý kiến: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa Phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp đúng thời hạn theo quy định nên cần được xem xét. Về quan hệ tranh chấp, cấp sơ thẩm xác định chính xác. Bản án dân sự sơ thẩm buộc hộ ông C mở lối đi là đảm bảo khách quan. Bởi lẽ, thửa đất 844 thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề và lối đi được mở là thuận tiện nhất. Lối đi qua thửa đất của bà O là bất tiện và thiệt hại nhiều hơn lối đi được mở qua đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông C, phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự. Lối đi trên cũng được bị đơn đồng ý cho nguyên đơn đi mãi mãi theo Giấy thỏa thuận ngày 03/10/2018. Do đó, đơn kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ mới nên không thể chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Bùi Văn C nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện nguyên đơn (bút lục 18), yêu cầu ông Bùi Văn C cùng các thành viên trong hộ gia đình ông C mở lối đi vì quyền sử dụng đất của ông bị vây bọc nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền về lối đi qua”, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc nguyên đơn chỉ nộp tài liệu chứng cứ là bản photo khi nộp đơn khởi kiện và nộp bản tự khai ngày 08/8/2019 cùng với thời điểm nộp đơn khởi kiện không phải là vi phạm thủ tục tố tụng, không phải là căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm trả lại

đơn, không thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự như trình bày của đại diện hợp pháp cho bà K tại phiên tòa.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, hộ gia đình ông Bùi Văn B đang trực tiếp sử dụng phần đất diện tích 1.905m², thuộc thửa đất số 844, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01962 ngày 20 tháng 5 năm 2009. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/11/2019 (bút lục 48-49), thì thửa đất 844 của hộ gia đình ông B bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề. Cụ thể, phía Đông, Tây và Nam thửa đất 844 là thửa đất số 813, diện tích sau khi tặng cho bà Bùi Thị N còn lại là 3450,5m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00024 ngày 25 tháng 01 năm 2005 cho hộ gia đình ông Bùi Văn C. Phía Bắc thửa 844 là đất thuộc quyền sử dụng của ông Văn Văn M. Các thửa đất này cùng tọa lạc ấp Mỹ I 1, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ Điều 245, Điều 254 Bộ luật dân sự, ông B có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Tại phiên tòa, ông C thừa nhận, từ thửa đất 844 thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông B, gia đình ông B đã sử dụng một lối đi do ông mở cách nay 06 năm, là lối đi Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông mở theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/11/2019 với diện tích 216,4m², thuộc thửa đất 813. Ngoài lối đi này, ông B có thể đi nhờ trên đất thuộc quyền sử dụng của bà Hoa Thị O là mẹ của ông và ông B nhưng lối đi này chưa có trên thực tế mà phải đốn cây để mở lối đi. Như vậy, lời trình bày của ông C phù hợp với nội dung Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện hợp pháp của bà K xác định, việc mở lối đi theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm Ga thửa đất 813 làm hai. Tại phiên tòa, ông C trình bày, khi mở lối đi, phía Đông thửa đất 813 còn khoảng 100m², hiện ông sử dụng trồng chanh, mít và từ phần đất này đi thẳng ra lối đi được mở cho ông B. Như vậy, nếu mở lối đi cho ông B trên thửa đất 813 theo quyết định của bản án sơ thẩm không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của hộ ông C và đây là lối đi thuận tiện, hợp lý, ít gây thiệt hại nhất cho chủ sở hữu bất động sản liền kề. Đồng thời, ông C cho rằng, do ông B kiện ông nên ông mới không đồng ý cho đi lối đi cũ. Như vậy, lý do ông C không đồng ý cho ông B đi chỉ là mâu thuẫn cá C, không phải do ảnh hưởng đến việc sử dụng thửa đất 813 thuộc quyền sử dụng của ông, như trình bày của đại diện hợp pháp cho bà K tại phiên tòa phúc thẩm.

Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông C, bà K và các thành viên trong hộ ông C mở lối đi diện tích là 216,4m² và ông B có nghĩa vụ đền bù cho hộ gia đình ông C giá trị phần đất 216,4m² được mở làm lối đi, cây trồng trên đất là phù hợp với quy định tại Điều 245 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, ông C thay đổi yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu hủy án sơ thẩm, mà yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét yêu cầu kháng cáo của ông C là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử

chấp nhận, cần giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 58/2020/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, phần quyết định của bản án tuyên: Ông Bùi Văn B được quyền đăng ký đất đai đối với phần lô đi được mở có diện tích 216,4m² nằm trong thửa đất số 813 tọa lạc tại ấp Mỹ I 1, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai là chưa đầy đủ. Bởi lẽ, theo khoản 2 Điều 171 Luật Đất đai năm 2013 thì việc xác lập quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự và phải thực hiện đăng ký theo quy định tại Điều 95 của Luật đất đai năm 2013. Theo điểm 1 khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013 thì việc đăng ký biến động được thực hiện trong trường hợp có thay đổi về xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề. Về trình tự, thủ tục đăng ký xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, tại Điều 73 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 03/3/2017 quy định như sau: Khi phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề thì một trong các bên nộp đơn, Giấy chứng nhận (nếu có), hợp đồng hoặc bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cho Văn phòng đăng ký đất đai. Như vậy, ông B hoặc ông C cũng có quyền đại diện hộ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký biến động về xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề theo các quy định trên.

Đồng thời, phần quyết định của bản án hoàn toàn không quyết định về thời gian các bên thực hiện quyền cũng như nghĩa vụ nên sẽ không đảm bảo cho việc thi hành án. Đây là những sai sót mà cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải sửa án. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần bổ sung quyền thực hiện việc đăng ký biến động về xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề đối với hộ ông C và thời gian thực hiện quyền, nghĩa vụ của các bên khi bản án có hiệu lực pháp luật mới phù hợp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông C không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 248, 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, 171 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn C. Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 58/2020/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B.

1.1. Buộc ông Bùi Văn C, bà Lương Thị K và các thành viên trong hộ gia đình ông C, bà K có nghĩa vụ mở lối đi cho ông Bùi Văn B có diện tích 216,4m², thuộc thửa đất số 813, diện tích 3.450,5m², tọa lạc ấp Mỹ I 1, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang, do ông Bùi Văn C đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất.

1.2. Diện tích lối đi 216,4m² ông Bùi Văn B được mở có số đo và tứ L như sau:

Chiều ngang hướng Đông giáp phần diện tích đất còn lại của hộ ông Bùi Văn C là 3,67m.

Chiều ngang hướng Tây giáp đường đan công cộng là 02m.

Chiều dài hướng Nam giáp với phần đất còn lại của hộ ông Bùi Văn C là 107,76m.

Chiều dài hướng Bắc giáp đất ông Văn Văn M là 107,06m.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Hộ ông Bùi Văn B, hộ ông Bùi Văn C được quyền đăng ký đất đai đối với phần lối đi được mở có diện tích 216,4m², thuộc thửa đất số 813, tọa lạc ấp Mỹ I 1, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai.

3. Ông Bùi Văn B có nghĩa vụ đền bù giá trị đất và giá trị cây trồng cho hộ gia đình ông Bùi Văn C tổng số tiền là 73.530.000 đồng (bảy mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Các bên thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015 Bơng ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

Ông Bùi Văn C và bà Lương Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ông Bùi Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0002247 ngày 19/8/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

+ Án phí Phúc thẩm: Ông Bùi Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003721 ngày 02/7/2020 nên ông đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. PHÚCM
- VKSND Tỉnh Tiền Giang.
- TAND huyện A.
- G cục THA DS huyện A.
- Đương sự.
- Phòng KTNV & THA (TAT)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ánh Phương